PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

MOBIL DTE 25 ULTRA

ExxonMobil

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm : MOBIL DTE 25 ULTRA

Mô tả sản phẩm : Dầu gốc và các phụ gia

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyên nên tránh

Mục đích sử dụng : Dầu thủy lực

Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo : Sản phẩm này không được khuyến nghị sử dụng cho mục đích công nghiệp, chuyên dụng hoặc tiêu dùng nào khác ngoài các mục đích sử dụng đã ấn định ở trên.

Nhà cung cấp : ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd (Mã Công Ty: 196800312N)
Căn 1 Harbour Front
Số 06-00 Tòa Nhà Harbour Front Số Một 098633 Singapore

Điện thoại Cấp cứu 24 giờ : 1-800-424-9300/+1-703-527-3887 (CHEMTREC)

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp : (65) 6885 8000

Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH EQUATOR
146 - 148 đường Khánh Hội
Phường 6, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp : +84 28 3940 6411

Nhà cung cấp : Công ty hữu hạn dịch vụ thương mại Nam Giang
120 đường Hòang Hoa Thám
Phường 7, Quận Bình Thạnh
Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp : +84 28 7302 4500

FAX : +84 28 3847 6879

Nhà cung cấp : Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế PAN
53 đường Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội Việt Nam

Thông tin liên hệ tổng quát về nhà cung cấp : +84 24 32123939

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : Không phân loại.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không biết chất nào.

sự ghi chú, chú ý : Không được dùng vật liệu này ngoài mục đích sử dụng được đề cập đến trong Mục 1 mà không có ý kiến của chuyên gia. Các nghiên cứu về sức khỏe cho thấy rằng việc tiếp xúc với hóa chất có thể gây ra các rủi ro tiềm ẩn cho sức khỏe con người và biểu hiện khác nhau trên mỗi người.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	Các dấu hiệu nhận biết	%
benzenamin, n-phenyl-, các sản phẩm phản ứng với 2,4,4-trimetylpenten	Số CAS: 68411-46-1	≤0.3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.

Hít phải : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Tiếp xúc ngoài da : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng. Nếu chích sản phẩm vào da hoặc dưới da, hoặc vào bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, bất kể diện mạo hoặc kích cỡ vết thương ra sao , người đó phải được y bác sĩ nhận định ngay lập tức là trường hợp phẫu thuật cấp cứu. Dù các triệu chứng ban đầu do chích ép mạnh là có the rất ít hoặc không có, việc điều trị phẫu thuật sớm trong vòng vài giờ đầu tiên có thể giảm đáng kể mức độ thương tật cuối cùng.

Nuốt phải : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tiếp xúc ngoài da : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt : Không có thông tin cụ thể gì.

Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Tiếp xúc ngoài da : Hoại tử cục bộ với bằng chứng là sự xuất hiện chậm của cơn đau và tổn thương mô vài giờ sau khi tiêm.

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.

Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng hóa chất khô, CO_2, bụi nước hay bọt.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Đừng dùng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Sương tạo thành do nén khí có thể tạo hỗn hợp dễ cháy

Các sản phẩm dễ gây nguy hiểm đốt cháy : Các Andehyt, Các sản phẩm cháy không hoàn toàn, Các oxyt của cacbon, Khói, ôxit lưu huỳnh

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét các nguy cơ của các vật liệu liên quan khác. Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Bảo đảm có thời gian làm nguội dài để ngăn ngừa cháy lại. Ngăn ngừa các chất thất thoát do hoạt động chữa cháy xâm nhập vào sông rạch, cống rãnh, hoặc nguồn nước uống. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

CÁC QUI TRÌNH THÔNG BÁO

Trong trường hợp có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ, báo cáo cho các cấp có thẩm quyền liên quan theo tất cả các qui định hiện hành.

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. khoanh vùng giới hạn lượng tràn đổ ngay lập tức bằng rào phao nổi . Loại bỏ khỏi bề mặt bằng cách hớt váng hoặc dùng chất hấp thụ thích hợp . Hỏi ý kiến chuyên gia trước khi dùng các tác chất phân tán. Cảnh báo các phương thức vận chuyển khác. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các khuyến nghị trong trường hợp tràn đổ xuống nước hoặc đất là dựa trên cơ sở tình huống tràn đổ thường gặp nhất đối với vật liệu này, tuy nhiên, điều kiện địa lý, gió, nhiệt độ, (và trong trường hợp tràn đổ xuống nước) sóng và chiều dòng nước cùng tốc độ nước có thể ảnh hưởng lớn trong việc xác định hành động khắc phục cho phù hợp. Vì lý do đó, cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia ở địa phương. Chú ý: Các qui định ở địa phương có thể mô tả hoặc giới hạn hành động khắc phục cần thực hiện.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Chất có khả năng tích tĩnh điện : Vật liệu này là chất có khả năng tích tĩnh điện. Một chất lỏng thường được xem là chất tích tĩnh điện, không dẫn điện khi độ dẫn điện của nó nhỏ hơn pS/m (100x10-12 Siemen mỗi mét) và được xem là một chất tích tĩnh điện, bán dẫn khi độ dẫn điện của nó nhỏ hơn 10.000 pS/m. Dù chất lỏng là chất không dẫn điện hay bán dẫn, các biện pháp đề phòng của chúng đều như nhau. Một số yếu tố, ví dụ như nhiệt độ chất lỏng, sự hiện diện của các chất ô nhiễm, các phụ gia chống tích tĩnh điện và cách lọc có thể ảnh hưởng lớn đến độ dẫn điện của một chất lỏng.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
phần cất paraffin nặng được xử lý hydrô cao	**Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019) [dầu khoáng]** TWA 8 giờ: 5 mg/m³. Biểu mẫu: Hơi sương. STEL 15 phút: 10 mg/m³. Biểu mẫu: Hơi sương. **ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2024) [Mineral Oil, pure, highly and severely refined]** TWA 8 giờ: 5 mg/m³. Biểu mẫu: Phần nhỏ có thể hít phải.

CHÚ Ý: Các giới hạn/tiêu chuẩn chỉ được trình bày với mục đích hướng dẫn. Tuân thủ các quy định hiện hành.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết.

Bảo vệ thân thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Lưu ý: Các tính chất lý hóa được cung cấp chỉ nhằm mục đích xem xét về an toàn, sức khỏe và môi trường mà thôi, chúng không thể hiện đầy đủ các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm. Xin liên lạc với Nhà Cung Cấp để tìm hiểu thêm.

Điều kiện đo lường của tất cả các đặc tính là ở điều kiện nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn trừ khi có quy định khác.

Bề ngoài

Trạng thái vật lý : Chất lỏng.

Màu sắc : Màu hổ phách

Mùi : Đặc điểm

Ngưỡng về mùi : Không có sẵn.

pH : Không áp dụng.

Điểm chảy/điểm đông : Không có sẵn.

Điểm sôi, điểm sôi ban đầu, và dải sôi : >315.56°C (>600°F)

Điểm bùng cháy : Tách để mở: >200°C (>392°F) [Tiêu chuẩn ASTM D-92]

Tỷ lệ hóa hơi : Không có sẵn.

Khả năng cháy : Dễ bắt cháy

Giới hạn nổ trên và dưới/giới hạn cháy : Thấp hơn: 0.9%
Trên: 7%

Áp suất hóa hơi : <0.1 mm Hg [20 °C]

Mật độ hơi tương đối : >2 [Không khí = 1]

Mật độ tương đối : 0.876 [ASTM D1298]

Độ hòa tan trong nước : Không đáng kể

Hệ số phân chia nước/Octanol : >3.5

Nhiệt độ tự cháy : Không có sẵn.

Nhiệt độ phân hủy : Không có sẵn.

IX. Các tính chất vật lý và hóa học và đặc tính an toàn

Tính dẻo : 46.2 đơn vị cSt [40 °C] [ASTM D 445]
7.1 đơn vị cSt [100 °C] [ASTM D 445]

Đặc tính hạt

Kích thước hạt trung bình : Không áp dụng.

Điểm chảy : -21°C [ASTM D97]

Sản phẩm chiết với tác chất chiết DMSO (di-metyl-sunfoxyt), (chỉ dùng cho dầu khoáng), phương pháp thử nghiệm IP-346 : <3 % theo trọng lượng

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Các nguồn gây cháy giàu năng lượng Nhiệt dư

Các vật liệu không tương thích : Chất Oxy hóa mạnh

Sản phẩm phân rã có mối nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Kết luận/Tóm tắt

Hít phải : Rất ít độc hại. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Ngoài da : Rất ít độc hại. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Đường miệng : Rất ít độc hại. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Kích ứng/Ăn mòn

Kết luận/Tóm tắt

Da : Kích ứng da với mức độ rất nhỏ ở nhiệt độ môi trường. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Mắt : Có thể gây khó chịu nhẹ cho mắt trong thời gian ngắn. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Hô hấp : Rủi ro rất thấp ở nhiệt độ môi trường hoặc nhiệt độ làm việc bình thường. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.

Nhạy cảm với đường hô hấp hoặc da

Kết luận/Tóm tắt

Da : Không được xem là chất gây mẫn cảm da. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Hô hấp : Không được xem là chất gây mẫn cảm đường hô hấp. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.

Tính đột biến

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Kết luận/Tóm tắt : Không được xem là chất gây đột biến tế bào mầm. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt : Không được xem là gây ung thư. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt : là Không được xem là chất độc sinh sản. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Kết luận/Tóm tắt : Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc một lần. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên sản phẩm/thành phần	Loại	Cơ quan có nhắm tới
MOBIL DTE 25 ULTRA	Không áp dụng.	-

Kết luận/Tóm tắt : Không được xem là gây tổn thương cho cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần. Không có tiêu chí đánh giá cho vật liệu này. Dựa trên việc đánh giá các thành phần

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Kết luận/Tóm tắt : Không được xem là có hiểm họa sặc vào phổi. Dựa trên các tính chất lý-hóa của vật liệu. Dữ liệu có sẵn.

Thông tin cần thiết khác

Chứa : Dầu gốc được tinh chế theo yêu cầu khắt khe: Không gây ung thư trong các nghiên cứu trên động vật. Vật liệu đại diện đạt chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm IP-346, chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm Ames sửa đổi, và/hoặc các chỉ tiêu kiểm tra thử nghiệm sàng lọc khác. Các nghiên cứu trên da và đường hô hấp cho thấy có tác dụng ảnh hưởng rất ít; thâm nhiễm không đặc trưng qua phổi vào các tế bào hệ miễn dịch, kết tụ chất béo và rất ít hình thành u hạt. Không gây mẫn cảm trong các thử nghiệm trên động vật. Benzenamine, N-phenyl-, những sản phẩm trong phản ứng với 2,4,4-trimethylpentene (DPA ở dạng thay thế): Những kết quả từ nhà cung cấp gia hạn sự nghiên cứu chế độ ăn một thế hệ bằng cách sử dụng DPA ở dạng thay thế 10 tuần trước khi giao phối bao gồm trọng lượng cơ thể đã suy giảm và sự tăng trưởng trọng lượng cơ thể nơi đám sinh vật giữ vai trò mẹ trong thời gian thai nghén và cho bú, số lượng địa điểm cấy ghép giảm và lứa đẻ trung bình giảm. Công thức đại diện chứa DPA ở dạng thay thế đã được thử nghiệm trong một nghiên cứu sàng lọc về độc tính trong thời kỳ sinh sản/phát triển trong chế độ nhồi ăn ở miệng nơi chuột (OECD TG 421) bằng cách dùng thời kỳ sử dụng 10 tuần trước khi giao phối. Những kết quả của nghiên cứu bao gồm trọng lượng cơ thể suy giảm và sự tăng trưởng trọng lượng cơ thể bắt đầu trong thời gian trước khi giao phối và tiếp tục suốt trong thời gian thai nghén và khi cho con bú nơi đám sinh vật giữ vai trò mẹ, số lượng địa điểm cấy ghép giảm và chiều hướng lứa đẻ giảm sút. Ngưỡng phân phối với 5% trọng lượng đối với các ảnh hưởng sinh sản cho DPA ở dạng thay thế được dẫn xuất dựa trên NOAEL (50 mg/kg/ngày) và nhất quán với NOAEL trong nghiên cứu của nhà cung cấp.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin đã nêu được dựa theo dữ liệu của vật liệu, thành phần của vật liệu, hoặc vật liệu tương tự, bằng cách áp dụng các nguyên lý bắc cầu.

Độc Tính

Kết luận/Tóm tắt

Độc tính cấp tính : Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

Độc tính mãn tính : Không được xem là có gây ra các tác hại lâu dài cho thủy sinh vật.

Độ bền và khả năng phân hủy

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tính bị vi khuẩn làm thối rữa : Thành phần dầu gốc -- Được xem là vốn có tính bị phân hủy bởi vi sinh vật

Khả năng tồn lưu

Kết luận/Tóm tắt : Thành phần dầu gốc -- Có khả năng tích tụ trong cơ thể, tuy nhiên các tính chất vật lý hoặc chuyển hoá trong cơ thể có thể làm giảm nồng độ hoạt động sinh học hoặc giới hạn khả năng sẵn sàng hoạt động sinh học.

Khả năng phân tán qua đất

Tính cơ động : Thành phần dầu gốc -- Được xem là có thể phân tách thành cặn lắng và các chất rắn trong nước thải Ít tan và nổi được và được xem là có thể trôi dạt từ nước đến mặt đất.

Thông tin sinh thái khác

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

NỘI DUNG NHÃN ĐỀ PHÒNG: Bình chứa rỗng có thể vẫn còn cặn dư và có thể gây nguy hiểm. KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC ĐỂ CÁC BÌNH CHỨA TIẾP XÚC VỚI NHIỆT, LỬA, TIA LỬA ĐIỆN, MÔI TRƯỜNG TĨNH ĐIỆN, HOẶC CÁC NGUỒN GÂY CHÁY; CHÚNG CÓ THỂ NỔ VÀ GÂY THƯƠNG TẬT HOẶC TỬ VONG. Đừng cố gắng tái nạp hoặc làm sạch bình chứa đựng vì cặn dư rất khó loại bỏ. Các phuy sử dụng xong phải được tháo xả cho hết hoàn toàn, bịt kín đúng cách và lập tức chuyển trả cho nơi tu sửa phục hồi phuy. Mọi bình chứa phải được thải bỏ theo cách an toàn đối với môi trường và phù hợp với các qui định của chính quyền.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	ADR	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Không quản lý.	Không quản lý.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	-	-	-
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-	-
Quy cách đóng gói	-	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	Không.	Không.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không áp dụng.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Vật liệu này không được xem là nguy hiểm theo Luật Hóa Chất.

Danh mục hàng tồn kho

Bản kê của Úc (AIIC)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Canada (DSL-NDSL)	:	Các Giới Hạn Được Áp Dụng
Bản kê của Trung Quốc (IECSC)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Nhật (CSCL)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Nhật (Industrial Safety and Health Act)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản Kê của Phi-lip-pin (PICCS)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Hàn Quốc (KECI) (Bản Kê Hóa Chất Hiện Hữu của Hàn Quốc)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Taiwan Chemical Substances Inventory (TCSI)	:	Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc)	:	Tất cả các thành phần đều hoạt động hoặc được miễn trừ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 19 Tháng 11 2024

Ngày phát hành lần trước : 30 Tháng Tám 2024

Phiên bản : 1.02

Bảng từ viết tắt : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
N/A = Không có sẵn
NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)
SGG = Nhóm Phân tách
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Không phân loại.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Mã sản phẩm : 20156010Q040_1171493

Người đọc lưu ý

"Thông tin và các khuyến nghị trong tài liệu này, theo sự hiểu biết và tin tưởng nhất của ExxonMobil's, là chính xác và đáng tin cậy tính đến thời gian phát hành. Bạn có thể liên hệ ExxonMobil để được chắc chắn rằng tài liệu này là tài liệu gần đây nhất của ExxonMobil. Thông tin và các khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng để kiểm tra và xem xét. Trách nhiệm của người sử dụng là tự quyết định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích sử dụng hay không. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, thì trách nhiệm của người sử dụng là phải bảo đảm các tài liệu hướng dẫn phù hợp về sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác phải được kèm theo với và/hoặc trên bình chứa. Các cảnh báo phù hợp và các qui trình thao tác an toàn phải được cung cấp cho người thao tác và người sử dụng. Nghiêm cấm sửa đổi tài liệu này. Ngoại trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, việc tái xuất bản hoặc tái chuyển tải tài liệu này, một phần hay toàn bộ, là không được phép. Thuật ngữ ""ExxonMobil"" được sử dụng cho mục đích tiện lợi, và có thể bao gồm bất kỳ một hoặc nhiều các thuật ngữ ExxonMobil Chemical, ExxonMobil Corporation, hoặc bất kỳ các công ty thành viên nào mà các công ty này gián tiếp hoặc trực tiếp có quyền lợi liên quan"